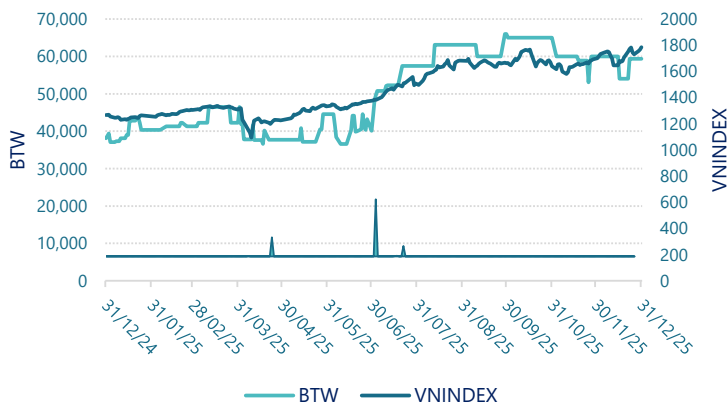




CTCP Cấp nước Bến Thành (HNX: BTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	59,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	36,578
SL cổ phiếu LH	9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	40
% sở hữu nước ngoài	1.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	556
P/E	11.5
EPS	5,159

DT thuần

Q4/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 2.3%

YoY: ▼ 3.00 | -2.0%

LN sau thuế

Q4/25

8.26

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 3.84 | -31.7%

YoY: ▲ 18.0 | 185%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

11.1%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

551

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 10.0 | -1.9%

LN sau thuế

2025

48.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.20 | 2.6%

ROE

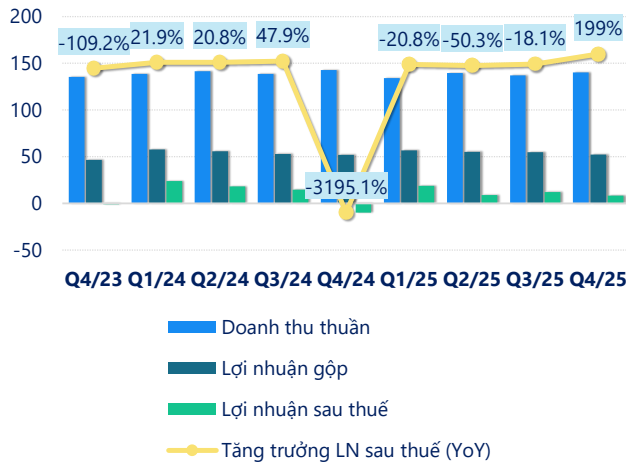
2025

18.2%

+/- YoY: ▼ 0.4%

tỷ VNĐ

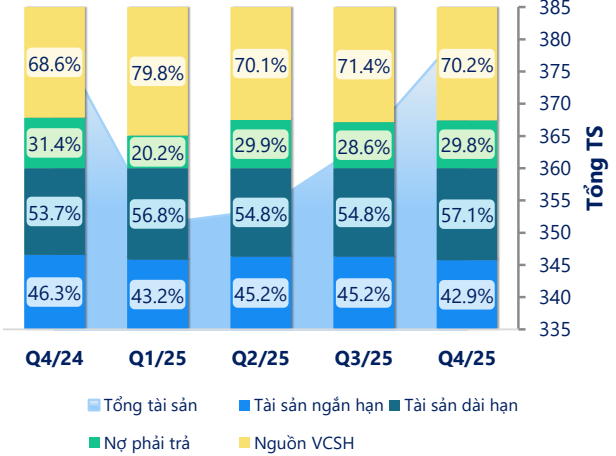
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

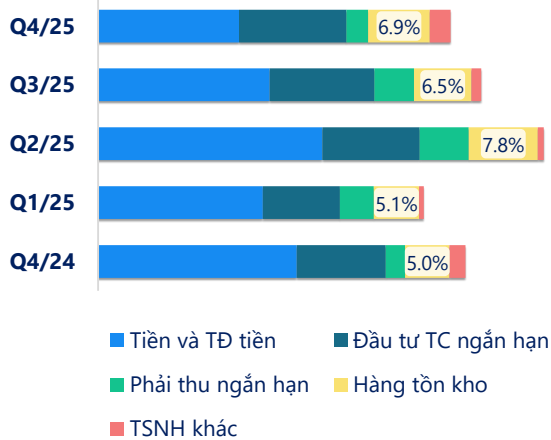
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



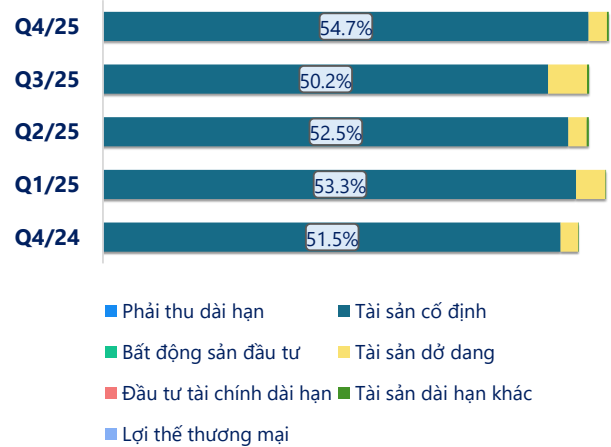
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

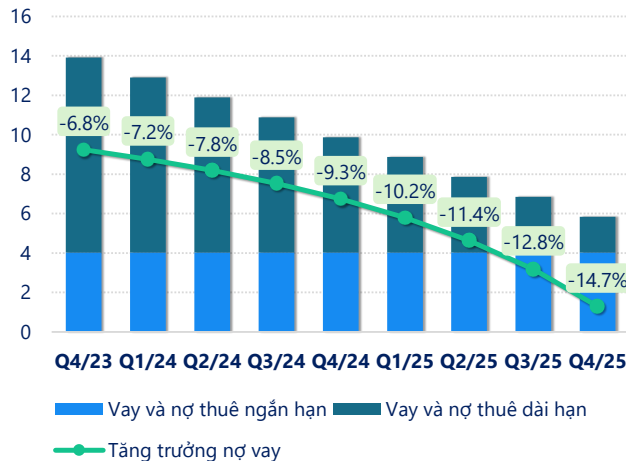
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

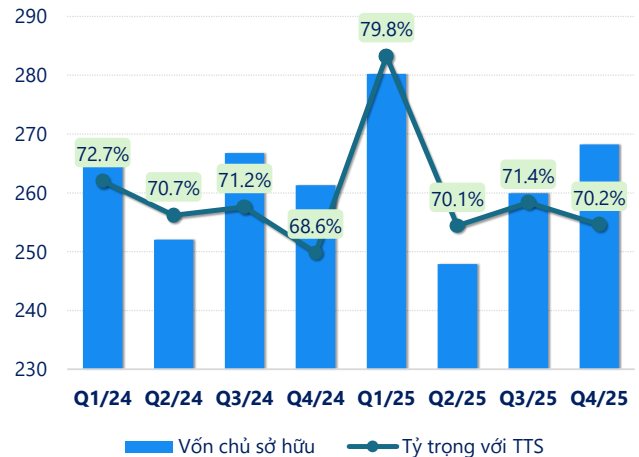
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

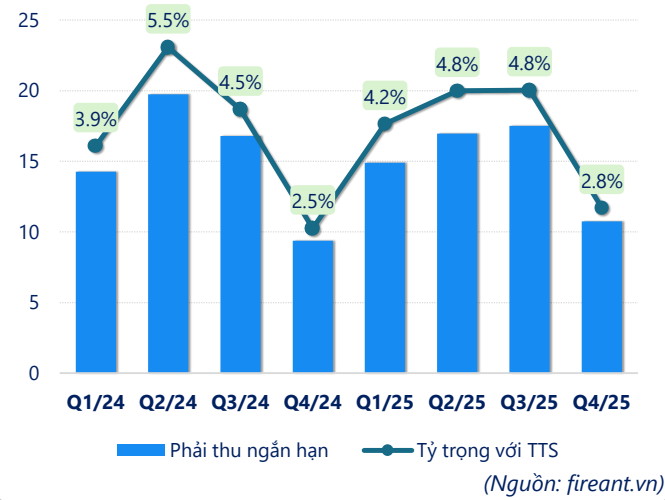
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

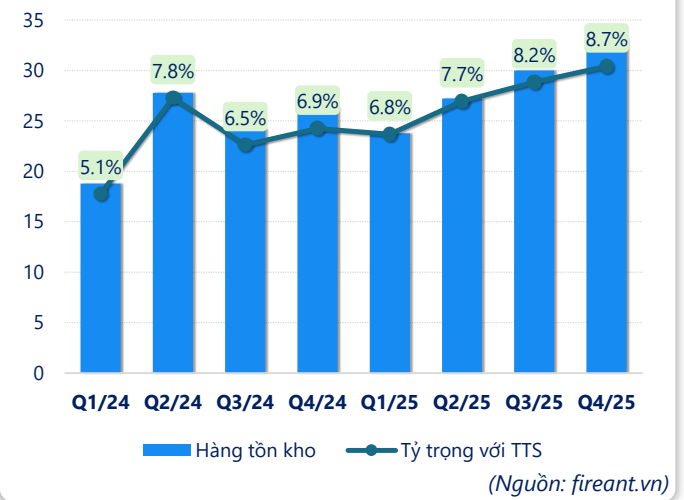


(Nguồn: fireant.vn)

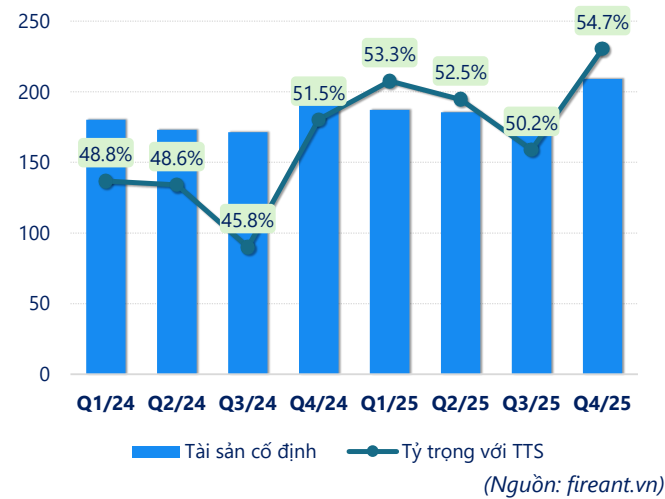
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


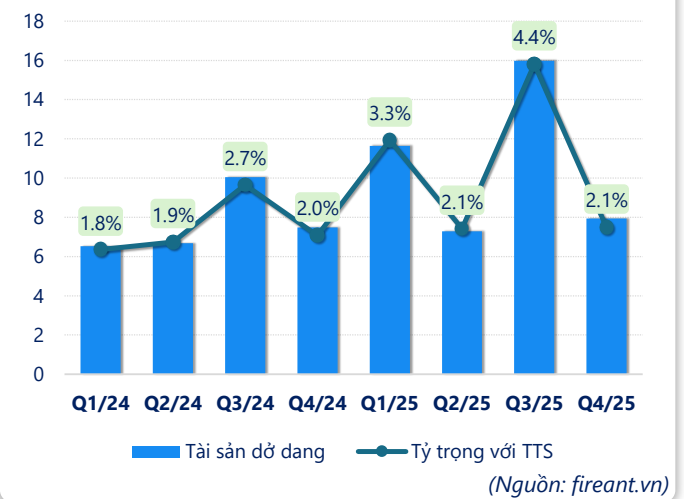
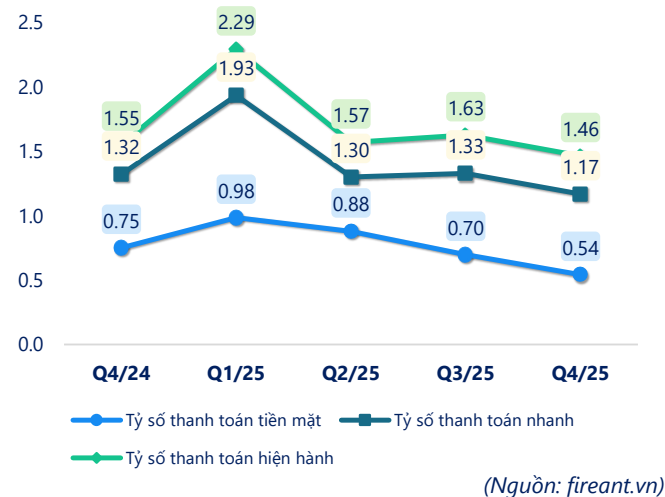
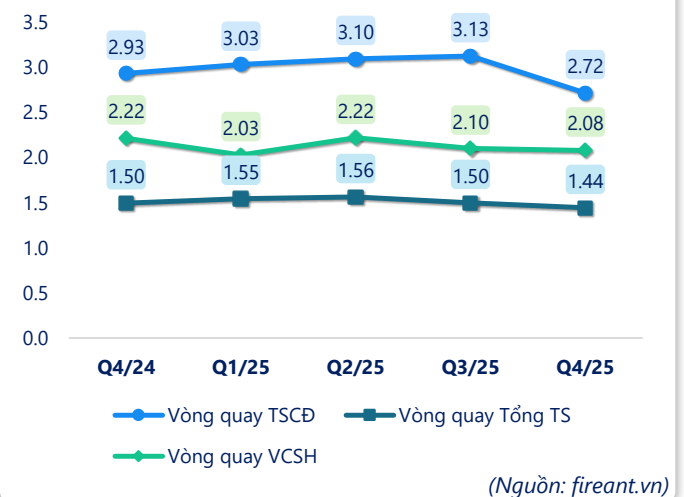
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	381	351	353	364	382
Tài sản ngắn hạn	176	152	160	164	164
Tiền và tương đương tiền	85.4	65.3	89.4	70.5	60.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	46.2	41.1	21.1	41.1	51.1
Phải thu ngắn hạn	9.37	14.9	17.0	17.5	10.7
Hàng tồn kho	26.4	23.8	27.2	30.0	33.2
Tài sản ngắn hạn khác	9.06	6.87	4.92	5.21	8.31
Tài sản dài hạn	204	199	194	200	218
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.18	0.18	0.18
Tài sản cố định	196	187	185	183	209
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	7.49	11.6	7.29	16.0	7.94
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.23	0.20	0.93	0.83	0.74
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	119	71.1	106	104	114
Nợ ngắn hạn	114	66.3	102	101	112
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	4.03	4.03	4.03
Phải trả người bán ngắn hạn	66.5	29.5	29.0	12.7	51.4
Nợ dài hạn	5.84	4.84	3.83	2.82	1.81
Vay và nợ thuê dài hạn	5.84	4.84	3.83	2.82	1.81
Nguồn vốn chủ sở hữu	261	280	248	260	268
Vốn chủ sở hữu	261	280	248	260	268
Vốn điều lệ	93.6	93.6	93.6	93.6	93.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)